

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯ SÊ
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 17/4/2018

V/v “*Tranh chấp về ly hôn và
nuôi con chung khi ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ SÊ, TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Tiến Sỹ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Siu Tơ Lul

2. Bà Phạm Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thanh Hương, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Nay Jar - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 176/2017/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp “*Tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2017/QĐXX-ST ngày 14 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1956; Địa chỉ: Thôn 1, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1973; Địa chỉ: Thôn 1, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai.

Ông M và bà L đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 7 năm 2017, lời khai trong quá trình tham gia tố tụng tại tòa án và lời khai tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Văn M trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị L tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn ngày 19 tháng 7 năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai. Sau khi kết hôn, ông và bà L ở nhà bà L sau đó vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến nhiều mâu thuẫn giữa vợ chồng phát

sinh, thường xuyên cãi vã nên ông chuyển về tại nhà ông ở; ông và bà L đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Vì vậy ông yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chư Sê giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị L.

- *Về con chung*: ông và bà Nguyễn Thị L có 01 con chung là cháu Nguyễn Kim Phúc Thanh T, sinh ngày 06/11/2014; sau khi ly hôn ông có nguyện vọng giao cháu T cho bà L nuôi dưỡng và không cấp dưỡng tiền nuôi con trong vụ án này. Ông có bao nhiêu tiền thì ông cho con còn việc ông cho bao nhiêu là quyền của ông, bà L không có quyền yêu cầu ông cấp dưỡng.

- *Về tài sản chung và vay nợ*: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai và lời khai tại phiên tòa của bị đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà đồng ý với lời trình bày của ông Nguyễn Văn M về quan hệ hôn nhân và thời gian đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống bà và ông M xảy ra mâu thuẫn về quan điểm sống, vợ chồng có cố gắng thay đổi để chung sống nhưng không được, vợ chồng thường xuyên cãi vã, cuộc sống vợ chồng nặng nề, bà và ông M đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Nay ông M yêu cầu ly hôn thì ý kiến của bà như sau: bà chỉ đồng ý ly hôn khi ông M cấp dưỡng nuôi con một lần là 50.000.000 đồng. Nếu ông M không đồng ý cấp dưỡng nuôi con một lần số tiền 50.000.000 đồng thì bà không đồng ý ly hôn.

- *Về con chung*: Bà và ông Nguyễn Văn M có 01 con chung cháu Nguyễn Kim Phúc Thanh T, sinh ngày 06/11/2014; sau khi ly hôn Bà có nguyện vọng được nuôi cháu T và yêu cấp dưỡng tiền nuôi con từ bây giờ cho đến khi cháu trưởng thành với tổng số tiền là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) hoặc 1.000.000 đồng/tháng.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát huyện Chư Sê phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký là đúng quy định của pháp luật, việc chấp hành pháp luật của đương sự của nguyên đơn và bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có sai phạm gì.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Sê về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 28, 36, 39, 144, khoản 4 Điều 147 và 266 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Nguyễn Văn M được ly hôn với bà Nguyễn Thị L; về con chung: Giao cháu Nguyễn Kim Phúc Thanh T, sinh ngày 06/11/2014 cho bà L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên hoặc đã thành niên nhưng bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Buộc ông Nguyễn Văn M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung trong vụ án này là 1.000.000/tháng; về án phí: Buộc ông

Nguyễn Văn M phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm về việc hôn nhân gia đình và nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 06 tháng 10 năm 2017, ông Nguyễn Văn M nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn với bà Nguyễn Thị L. Cùng với đơn khởi kiện ông M đã nộp kèm các tài liệu chứng cứ để chứng minh yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ, hợp pháp. Xét hình thức, nội dung đơn khởi kiện của ông M là đúng theo quy định của pháp luật; ông M và bà L đều cư trú tại Thôn 1, xã Ia Pal, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai nên Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị L có đăng ký kết hôn ngày 19 tháng 7 năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã Ia Pal, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai, trên cơ sở tự nguyện không ai cưỡng ép hay ép buộc, cho nên Hội đồng xét xử xác định là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật thừa nhận.

Ông M cho rằng trong thời gian chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, khác nhau trong cách nghĩ, bất đồng quan điểm sống. Ông nhận thấy cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với bà Nguyễn Thị L. Còn bà L cho rằng trong cuộc sống gia đình chúng tôi có nhiều mâu thuẫn và cảm thấy không hạnh phúc. Nay ông M làm đơn khởi kiện xin ly hôn thì bà L chỉ đồng ý ly hôn khi ông M cấp dưỡng nuôi con một lần là 50.000.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy: Quan hệ hôn nhân giữa ông M và bà L đã thật sự không còn hạnh phúc, bởi lẽ ông M và bà L đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay, không còn ai chăm lo đến cuộc sống của nhau cả về vật chất và tinh thần. Mặc khác lý do bà L đưa ra không đồng ý ly hôn là do ông M không đồng ý cấp dưỡng nuôi con một lần với số tiền là 50.000.000 đồng, lý do này Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của nguyên đơn là ông M, cho ông M được ly hôn với bà L.

[3] Về con Chung: Ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị L có 01 con chung là cháu Nguyễn Kim Phúc Thanh T, sinh ngày 06/11/2014. Ông M và bà L cùng thống nhất giao cháu T cho bà L nuôi dưỡng. Hiện nay cháu T do bà L nuôi dưỡng. Do đó Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự là giao cháu Nguyễn Kim Phúc Thanh T, sinh ngày 06/11/2014 cho bà L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên hoặc đã thành niên nhưng bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động

và không có tài sản để tự nuôi mình là phù hợp với nguyện vọng của con và phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình .

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Văn M cho rằng việc ông cho con bao nhiêu tiền là quyền của ông và không đồng ý cấp dưỡng nuôi con trong vụ án này. Còn bà Nguyễn Thị L yêu cầu ông Nguyễn Văn M cấp dưỡng tiền nuôi con một lần với số tiền là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) hoặc 1.000.000 đồng/tháng đến khi cháu T thành niên có khả năng lao động hoặc đã thành niên không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Hội đồng xét xử thấy rằng nhằm đảm bảo cuộc sống của cháu T tốt hơn đồng thời gắn trách nhiệm của người cha đối với con cái, cần chấp nhận yêu cầu của bà L, buộc ông M phải cấp dưỡng nuôi cháu T mỗi tháng 1.000.000 đồng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con thành niên có khả năng lao động hoặc đã thành niên không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình là phù hợp với điều kiện của ông M và đảm bảo điều kiện phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần của cháu T. Bà L được nhận số tiền này để nuôi con.

[5] Về phần tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị L không yêu cầu giải quyết nên miễn xét;

[6] Về án phí: Buộc ông Nguyễn Văn M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc hôn nhân và gia đình, về nghĩa vụ cấp dưỡng để sung vào công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 36, 39, khoản 4 Điều 147 và 266 Bộ Luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015 và Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn M được ly hôn với bà Nguyễn Thị L.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Kim Phúc Thanh T, sinh ngày 06/11/2014 cho bà L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên hoặc đã thành niên nhưng bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì

người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về cấp dưỡng: Buộc ông Nguyễn Văn M phải cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Kim Phúc Thanh T, sinh ngày 06/11/2014 mỗi tháng 1.000.000 đồng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu T thành niên và có khả năng lao động hoặc chưa thành niên nhưng không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Bà L được quyền nhận số tiền này để nuôi con.

4. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Văn M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc hôn nhân gia đình và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng. Số tiền này được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001531 ngày 10/10/2017 của Chi cục thi hành án huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai. Ông M còn phải nộp thêm số tiền 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm để sung công quỹ nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (17/4/2018) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền phải thi hành thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Sê;
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Ủy ban nhân dân xã I;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chư Sê;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Võ Tiến Sỹ